

Số: 14/2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức;
thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

UBND TP.HCM



44425/C-230722
10:36

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Xét Tờ trình số 2240/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 474/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được triệu tập, trưng dụng tham gia thực hiện nhiệm vụ tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

b) Các tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 2. Nội dung, mức chi

Nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ mức độ tự chủ tài chính, nguồn tài chính của đơn vị và quy định mức chi tại Nghị quyết này để quyết định mức chi tại đơn vị và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Thời gian được hưởng mức chi theo quy định tại Nghị quyết này là thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Trường hợp các đối tượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện nhiệm vụ trong các ngày nghỉ hằng tuần, ngày lễ thì được hưởng mức bồi dưỡng tăng thêm so với mức quy định của Nghị quyết. Tỷ lệ % tăng thêm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

3. Khi Trung ương có văn bản quy định mới về mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì áp dụng theo các quy định mới.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Nguồn thu phí dự tuyển được trích lại.

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính; Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TPHCM;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TPHCM;
- Thường trực HĐND, UBND TPHCM;
- Ban Thường trực UB MTTQ VN TPHCM;
- Các Ban HĐND TPHCM;
- Đại biểu HĐND TPHCM;
- VP Thành ủy TPHCM, các Ban Đảng Thành ủy TPHCM;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TPHCM;
- VP UBND TPHCM;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TPHCM;
- Thường trực HĐND thành phố Thủ Đức và các huyện;
- UBND, UB MTTQ VN thành phố Thủ Đức và các quận, huyện;
- Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, BPC-Thảo.

CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Lệ



Phụ lục

Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14 /2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Số thứ tự	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị tính
1	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng, xây dựng đề thi/xét, in sao đề thi; thuê địa điểm tổ chức ôn tập, tổ chức thi/xét; Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, vật tư, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi/xét, chấm thi và các khoản chi phục vụ hoạt động của Hội đồng và các Ban giúp việc (nếu có)	Chi theo thực tế ¹	
2	Tổ chức các cuộc họp và làm việc của Hội đồng và các Ban giúp việc (chuẩn bị kỳ thi/xét và tổ chức kỳ thi/xét)	200.000	người/buổi
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Giám sát kỳ thi/xét (Kể cả giám sát của Bộ, ngành Trung ương)		
3.1	Chủ tịch, Trưởng ban	1.200.000	người/ngày
3.2	Phó Chủ tịch, Phó Trưởng ban	1.000.000	người/ngày
3.3	Ủy viên, thư ký, thành viên	800.000	người/ngày
4	Tiền công các chức danh là thành viên các Ban Giúp việc Hội đồng (Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban Chấm thi, Ban Chấm phúc khảo, Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban Kiểm tra sát hạch, Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Tổ In sao đề thi, Tổ thư ký giúp việc...) trong thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ		

¹ Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

Số thứ tự	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị tính
4.1	Trưởng Ban, Tổ trưởng	1.200.000	người/ngày
4.2	Phó Trưởng Ban, Tổ phó	1.000.000	người/ngày
4.3	Thành viên, Thư ký	800.000	người/ngày
5	Tiền công tham gia phục vụ cách ly xây dựng đề thi/xét, tổ chức kỳ thi/xét, chấm thi		
5.1	Nhân viên kỹ thuật, công an, y tế, bảo vệ làm việc khu cách li	600.000	người/ngày
5.2	Nhân viên phục vụ, vệ sinh, bảo vệ làm việc vòng ngoài, lái xe và bộ phận vận chuyển đề ...	400.000	người/ngày
6	Chi tiền ăn, giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng, các Ban Giúp việc trong thời gian cách ly, tổ chức kỳ thi/xét và chấm thi		
6.1	Chi tiền ăn, giải khát giữa giờ thành viên Hội đồng/Ban Đề thi/Ban Phách/Tổ in sao trong thời gian thực tế cách ly ra đề thi, in sao đề thi và làm phách (nếu có).	330.000	người/ngày
6.2	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ thành viên Ban Đề thi/Tổ in sao trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi)	220.000	người/ngày
6.3	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ thành viên Hội đồng, các Ban giúp việc và các thành viên tham gia trong thời gian tổ chức kỳ thi/xét, chấm thi	220.000	người/ngày
7	Tiền công xây dựng đề thi và đáp án (đối với thi tự luận, thi thực hành)	1.500.000	đề
8	Xây dựng đề thi và đáp án (đối với thi trắc nghiệm, phòng vấn)		
8.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô kèm đáp án	70.000	câu
8.2	Tiền công chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	60.000	câu

Nguyễn Văn A

Số thứ tự	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị tính
8.3	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	35.000	câu
8.4	Lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	10.000	câu
9	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành; tiền công chấm phúc khảo (Tùy yêu cầu, tính chất của từng kỳ thi, số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày do Chủ tịch Hội đồng thi/xét xem xét, quyết định)	1.200.000	người/ngày
10	Tiền công cho cán bộ phụ trách tập huấn, hướng dẫn ôn tập cho thí sinh; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, thực hành	1.000.000	người/ngày

Chữ ký

